TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2022
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Bình An
Các Hội thẩm nhân dân: ông La Văn Việt;
bà Trần Thị Đổi. .

Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 480/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trương Thị X , sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp M, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(bà X xin vắng mặt, ông T vắng mặt – đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2021 và những lời khai tiếp theo của bà Trương Thị X trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Thành T chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 21/4/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã nên bà và ông T ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và

cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà X xác định có 02 con chung tên Nguyễn Ngữ V, sinh ngày 01/6/2006 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/7/2016. Khi ly hôn bà X đồng ý giao các con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 08/12/2021, con chung của bà X và ông T là Nguyễn Ngữ V có nguyện vọng sống với ông T khi bà X và ông T ly hôn với nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo cho ông T biết về yêu cầu khởi kiện của bà X nhưng ông T không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T cũng không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] .Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị X nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Thành T có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Trương Thị X khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành T nên bà X được xác định là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.3]. Về xét xử vắng mặt: bà Trương Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thành T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X và ông T.

[1.4]. Về chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà Trương Thị X có cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26/2006 ngày 21/4/2006 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên hôn nhân giữa bà X và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tình trạng hôn nhân: xét hôn nhân giữa bà X và ông T trên cơ sở tự nguyện, bà X xác định cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà và ông T đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay nên bà X xin được ly hôn với ông T. Đối với ông T, ông không có ý kiến phản hồi về việc bà X xin ly hôn với ông, tại thời điểm bà X xin ly với ông T thì giữa ông và bà X vẫn còn ly thân với nhau, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà X được được ly hôn với ông T.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà X xác định có 02 con chung là Nguyễn Ngữ V, sinh ngày 01/6/2006 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/7/2016. Thấy rằng con chung Nguyễn Ngữ V có nguyện vọng sống với ông T khi bà X và ông T ly hôn với nhau, đối với con chung Nguyễn Minh T, bà X xác định hiện nay do ông T trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn, bà đồng ý giao lại 02 con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà X không cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông T thì ông không có ý kiến phản hồi về việc bà X đồng ý giao 02 con chung cho ông tiếp tục nuôi dưỡng thì xem như ông T đã đồng ý việc nuôi dưỡng các con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của các con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung tên Ngữ V và Minh T cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T không có ý kiến về việc yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: bà X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thay đổi nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Trương Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị X về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" đối với ông Nguyễn Thành T.

Về hôn nhân: bà Trương thị X được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: ông Nguyễn Thành T được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Ngữ V, sinh ngày 01/6/2006 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/7/2016 (ông T đang nuôi dưỡng). Bà Trương Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông T không có yêu cầu.

Bà X được quyền tới lui thăm non và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể xin thay đổi tình trạng nuôi con và khoản cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà X xác định không có.

Về nợ chung: bà X xác định không có.

2. Về án phí: bà Trương Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007634 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà X không phải nộp tiếp.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa
- Uỷ ban nhân dân xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Bình An